MỘT SỐ GÓP Ý VỀ DỰ THẢO

**NGHỊ ĐỊNH CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2020 LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MỞ RỘNG CỦA NHÀ SẢN XUẤT**

PGS.TS. Phùng Chí Sỹ

Phó Chủ tịch Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực từ 01 tháng 01 năm 2022, trừ Khoản 3 Điều 29 về đánh giá sơ bộ tác động môi trường có hiệu lực từ 01 tháng 2 năm 2021 (Dưới đây gọi tắt là Luật BVMT năm 2020).

Luật BVMT năm 2020 gồm 16 chương, 171 điều, trong đó có giao cho Chính thủ hướng dẫn chi tiết thi hành tại 64 điều. Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các nhà khoa học đang xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định) trước khi đưa lên Cổng thông tin điện tử xin ý kiến tham vấn của các bên liên quan và những tổ chức, cá nhân quan tâm. Đây là một bước cực kỳ quan trọng nhằm cụ thể hóa một số quy định của Luật BVMT năm 2020, hạn chế đến mức thấp nhất những khó khăn, bất cập, gây phiền hà, tốn kém cho doanh nghiệp như một số trường hợp khi ban hành nghị định, thông tư đã và đang xẩy ra.

Do dự thảo Nghị định đề cập đến quá nhiều vấn đề, nên trong bài viết này chúng tôi chỉ bàn luận tới một số quy định liên quan đến trách nhiệm mở rộng của các nhà sản xuất, nhà nhập khẩu về tái chế và xử lý sản phẩm, bao bì là chất thải, bao gồm :sản phẩm điện, điện tử, pin, ắc quy, dầu, nhớt, săm lốp, phương tiện giao thông, máy móc công trình và bao bì các loại (Sau đây gọi tắt là EPR-Extended Producer Responsibility).

2. TỔNG QUAN VỀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ TRÁCH NHIỆM MỞ RỘNG CỦA NHÀ SẢN XUẤT

Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/6/2014 và có hiệu lực vào ngày 01/1/2015 (Sau đây gọi tắt là Luật Bảo vệ môi trường năm 2014) có quy định tại Điều 87 về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ.

Hộp 1. Quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ

|  |
| --- |
| Điều 87. Thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ  1. Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ.  2. Người tiêu dùng có trách nhiệm chuyển sản phẩm thải bỏ đến nơi quy định.  3. Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tổ chức việc thu gom sản phẩm thải bỏ.  4. Việc thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. |

*Nguồn : Luật Bảo vệ môi trường năm 2014*

Để thực hiện Khoản 4 Điều 87 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, ngày 22/5/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ (sau đây gọi tắt là Quyết định 16). Điều 2, Quyết định 16 có quy định *“Sản phẩm thải bỏ là chất thải có nguồn gốc từ sản phẩm đã hết thời hạn sử dụng hoặc sản phẩm được thải bỏ sau quá trình sử dụng”* thuộc danh mục nêu tại bảng 1, bao gồm 5 nhóm chính : Ắc quy và pin, thiết bị điện và điện tử, dầu nhớt các loại, săm, lốp, phương tiện giao thông.

Bảng 1.Danh mục sản phẩm thải bỏ và thời điểm thu hồi, xử lý

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục sản phẩm thải bỏ** | **Thời điểm thu hồi, xử lý** |
| **I** | **Ắc quy và pin** |  |
| 1 | Ắc quy các loại | 01/7/2016 |
| 2 | Pin các loại | 01/7/2016 |
| **II** | **Thiết bị điện, điện tử** |  |
| 1 | Bóng đèn compact; bóng đèn huỳnh quang | 01/7/2016 |
| 2 | Máy vi tính (để bàn; xách tay); màn hình máy vi tính; cục CPU (bộ vi xử lý của máy tính) | 01/7/2016 |
| 3 | Máy in; máy fax; máy quét hình (scanner) | 01/7/2016 |
| 4 | Máy chụp ảnh; máy quay phim | 01/7/2016 |
| 5 | Máy điện thoại di động; máy tính bảng | 01/7/2016 |
| 6 | Đầu đĩa DVD; VCD; CD và các loại đầu đọc băng, đĩa khác | 01/7/2016 |
| 7 | Máy sao chụp giấy (photocopier) | 01/7/2016 |
| 8 | Ti vi; tủ lạnh | 01/7/2016 |
| 9 | Máy điều hòa nhiệt độ; máy giặt | 01/7/2016 |
| **III** | **Dầu nhớt các loại** | 01/7/2016 |
| **IV** | **Săm, lốp** |  |
| 1 | Săm các loại | 01/7/2016 |
| 2 | Lốp các loại | 01/7/2016 |
| **V** | **Phương tiện giao thông** |  |
| 1 | Xe mô tô, xe gắn máy các loại | 01/01/2018 |
| 2 | Xe ô tô các loại | 01/01/2018 |

*Nguồn: Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg.*

Bảng 1 cũng quy định thời điểm thu hồi, xử lý các sản phẩm thải bỏ. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan, nên cho đến nay quyết định này hầu như chưa được các doanh nghiệp triển khai thực hiện.

Khoản 3 Điều 2 của Quyết định 16 cũng quy định chi tiết đối tượng phải thu hồi sản phẩm thải bỏ bao gồm : Cơ sở sản xuất, nhà nhập khẩu chính thức, nhà phân phối chính thức (Gọi chung là nhà sản xuất).

Khoản 1 Điều 4 của Quyết định 16 quy định về phương thức thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ bao gồm : Nhà sản xuất trực tiếp thông qua điểm/hệ thống thu hồi; Nhà sản xuất ủy quyền cho đơn vị thu gom, xử lý chất thải có chức năng phù hợp; Đơn vị thu gom, xử lý chất thải có chức năng phù hợp trực tiếp thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ (không cần ủy quyền của nhà sản xuất).

Để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ, Khoản 3 Điều 4 của Quyết định 16 có quy định “*Việc chuyển giao, thu gom, lưu giữ, vận chuyển sản phẩm thải bỏ là chất thải nguy hại phát sinh từ người tiêu dùng để chuyển đến các điểm thu hồi không yêu cầu Giấy phép xử lý chất thải nguy hại nhưng phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường về thu gom, lưu giữ, vận chuyển sản phẩm thải bỏ”.*

Trách nhiệm của nhà sản xuất được quy định tại Điều 5, Quyết định 16 bao gồm tổ chức thu hồi, thiết lập điểm/hệ thống các điểm thu hồi, tiếp nhận, ban hành chính sách khuyến khích, tuyên tuyền, vận chuyển, xử lý, tái sử dụng, ủy quyền xử lý, xuất khẩu, báo cáo cơ quan quản lý môi trường nhà nước/địa phương (xem Hộp 2).

Hộp 2. Trách nhiệm của nhà sản xuất

|  |
| --- |
| **Điều 5. Trách nhiệm của nhà sản xuất**  1. Tổ chức thu hồi sản phẩm thải bỏ do mình đã bán ra thị trường Việt Nam.  2. Thiết lập điểm hoặc hệ thống các điểm thu hồi sản phẩm thải bỏ theo các hình thức sau:  a) Tự thiết lập hoặc phối hợp với nhà sản xuất khác để thiết lập;  b) Thiết lập tại địa điểm riêng hoặc phối hợp với cơ sở phân phối để thiết lập tại địa điểm của cơ sở phân phối.  3. Điểm thu hồi phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về thu gom, lưu giữ, vận chuyển sản phẩm thải bỏ.  4. Có trách nhiệm tiếp nhận sản phẩm thải bỏ của mình; khuyến khích tiếp nhận sản phẩm cùng loại với sản phẩm mình đã bán ra thị trường mà không phân biệt nhãn hiệu hoặc nhà sản xuất.  5. Tiếp nhận để xử lý những sản phẩm thải bỏ của mình đã đưa ra thị trường do nhà sản xuất khác thu hồi được khi có yêu cầu.  6. Xây dựng và thực hiện chính sách hợp lý, ưu đãi, tuyên truyền đối với người tiêu dùng hoặc tổ chức, cá nhân thu gom chuyển giao sản phẩm thải bỏ tại điểm tiếp nhận.  7. Tổ chức việc vận chuyển sản phẩm thải bỏ từ các điểm thu hồi đến các trạm trung chuyển (nếu có) và cơ sở xử lý theo quy định về quản lý chất thải.  8. Tổ chức xử lý sản phẩm thải bỏ đã thu hồi theo quy định về quản lý chất thải theo các hình thức sau:  a) Trực tiếp xử lý;  b) Chuyển giao cho các đơn vị xử lý chất thải trong nước có chức năng phù hợp;  c) Xuất khẩu ra nước ngoài để xử lý;  d) Tái sử dụng;  đ) Các hình thức khác theo quy định.  9. Khi chuyển giao sản phẩm thải bỏ là chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý từ các điểm thu hồi do mình trực tiếp thiết lập thì phải thực hiện kê khai, sử dụng chứng từ chất thải nguy hại với vai trò đại diện chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định.  10. Hàng năm, báo cáo Tổng cục Môi trường về các thông tin sau :  a) Lượng sản phẩm được sản xuất, nhập khẩu đã bán ra thị trường Việt Nam;  b) Danh sách điểm thu hồi và nơi xử lý sản phẩm thải bỏ;  c) Kết quả thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ;  d) Các trường hợp từ chối tiếp nhận sản phẩm thải bỏ và lý do từ chối tiếp nhận.  11. Báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương về các điểm thu hồi nằm bên ngoài cơ sở phân phối và khuôn viên cơ sở của nhà sản xuất.  12. Công khai thông tin về danh sách các điểm thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ; kết quả thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Môi trường và trang thông tin điện tử của mình (nếu có).  13. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về biển báo, dấu hiệu nhận biết và quy trình quản lý điểm thu hồi. |

*Nguồn: Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg.*

Quyết định 16 cũng quy định về trách nhiệm của người sản xuất (Điều 6); Trách nhiệm của người tiêu dùng, cơ sở phân phối, đơn vị vận chuyển, xử lý chất thải và tổ chức, cá nhân thu gom (Điều 7); Quyền lợi của người tiêu dùng, tổ chức, cá nhân thu gom và cơ sở phân phối (Điều 8). Quyết định cũng giao trách nhiệm quản lý nhà nước về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ cho Bộ Tài nguyên và Môi trường (Điều 9), UBND tỉnh (Điều 10).

Theo Khoản 13 Điều 5 và Khoản 1 Điều 9 của Quyết định 16, ngày 04/10/2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư 34/2017/TT-BTNMT quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ (Gọi tắt là Thông tư 34). Thông tư 34 bao gồm 11 điều : Phạm vi điều chỉnh (Điều 1), Đối tượng áp dụng (Điều 2), Hình thức, số lượng và vị trí điểm thu hồi (Điều 3), Yêu cầu kỹ thuật điểm thu hồi (Điều 4), Quy trình quản lý điểm thu hồi (Điều 5), Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý sản phẩm thải bỏ (Điều 6), Báo cáo về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ (Điều 7), Thiết lập, quản lý dữ liệu về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ (Điều 8), Công bố danh sách các điểm thu hồi đáp ứng yêu cầu kỹ thuật môi trường (Điều 9), Hiệu lực thi hành (Điều 10), Tổ chức thực hiện (Điều 11). Đính kèm Thông tư 34 là 4 phụ lục bao gồm : Yêu cầu kỹ thuật tại điểm thu hồi (Phụ lục I); Mẫu sổ giao nhận sản phẩm thải bỏ (Phụ lục II); Khối lượng lưu giữ tối đa tại điểm thu hồi cơ sở (Phụ lục III); Mẫu các báo cáo về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ của nhà sản xuất; Kết quả thu hồi, chuyển giao sản phẩm thải bỏ của chủ sở hữu hoặc điều hành điểm thu hồi tập trung; Kết quả thu hồi, chuyển giao sản phẩm thải bỏ của chủ sở hữu hoặc điều hành điểm thu hồi cơ sở; Kết quả thu gom, xử lý sản phẩm thải bỏ của cơ sở thu gom, xử lý chất thải (Phụ lục IV).

Ngày 24/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 889/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dung bền vững giai đoạn 2021-2030. Khoản k Điều 1 nêu rõ “*Đẩy mạnh áp dụng, phổ biến và nhân rộng các mô hình phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải, phế liệu; xây dựng tài liệi, đào tạo, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các mô hình kinh tế tuần hoàn đối với chất thải, cụ thể chất thải trong các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, điện tử, hóa chất, nhiệt điện, nhựa, giấy, vật liệu xây dựng và chất thải của các ngành kinh tế khác*”.

Điều 54, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định trách nhiệm tái chế của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu (Xem Hộp 3).

Hộp 3. Quy định trách nhiệm tái chế của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu

|  |
| --- |
| **Điều 54. Trách nhiệm tái chế của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu**  1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, bao bì có giá trị tái chế phải thực hiện tái chế theo tỷ lệ và quy cách tái chế bắt buộc, trừ các sản phẩm, bao bì xuất khẩu hoặc tạm nhập, tái xuất hoặc sản xuất, nhập khẩu cho mục đích nghiên cứu, học tập, thử nghiệm.  2. Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này được lựa chọn thực hiện tái chế sản phẩm, bao bì theo một trong các hình thức sau đây:  a) Tổ chức tái chế sản phẩm, bao bì;  b) Đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì.  3. Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này phải đăng ký kế hoạch tái chế và báo cáo kết quả tái chế hằng năm đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.  4. Việc đóng góp, sử dụng đóng góp tài chính hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì quy định tại điểm b khoản 2 Điều này phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:  a) Mức đóng góp tài chính và mức kinh phí hỗ trợ tái chế được xác định theo khối lượng hoặc đơn vị sản phẩm, bao bì;  b) Đóng góp tài chính được sử dụng để hỗ trợ cho hoạt động tái chế sản phẩm, bao bì quy định tại khoản 1 Điều này;  c) Việc tiếp nhận, sử dụng tài chính đóng góp phải công khai, minh bạch, đúng mục đích theo quy định của pháp luật.  5. Chính phủ quy định chi tiết và lộ trình thực hiện Điều này. |

*Nguồn : Luật Bảo vệ môi trường năm 2014*

Quy định tại Điều 54 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có một số điểm khác biệt so với Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Quyết định 16 bao gồm:

- Đối tượng áp dụng không chỉ có sản phẩm thải bỏ, mà còn có bao bì phế thải có giá trị tái chế.

- Bổ sung thêm phương thức tái chế là đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì.

Khoản 5 Điều 54 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 yêu cầu Chính phủ quy định chi tiết và lộ trình thực hiện trách nhiệm tái chế của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu.

3. MỘT SỐ GÓP Ý VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2020 LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MỞ RỘNG CỦA NHÀ SẢN XUẤT

# Bản dự thảo Nghị định do Ban Tổ chức gửi liên quan đến “Trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì thải bỏ của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu” được trình bày tại Chương VII, bao gồm 3 mục : Trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu (Mục 1, 7 điều từ 90 đến 96); Trách nhiệm xử lý chất thải của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu (Mục 2, 3 điều từ 97 đến 99); Cung cấp, quản lý thông tin và quản lý, giám sát thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý của tổ chức, cá nhân nhập khẩu (Mục 3, 4 điều từ 100 đến 103). Phần phụ lục có kèm theo 7 phụ lục : Danh mục sản phẩm, bao bì phải được tái chế, quy cách tái chế và lộ trình thực hiện (Phụ lục 52), Mẫu đăng ký kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện tái chế (Phụ lục 53), Mẫu bảng kê khai số lượng, khối lượng chủng loại sản phẩm, bao bì sản xuất, nhập khẩu được bán ra thị trường (Phụ lục 54), Mẫu thông báo nộp tiền hỗ trợ tái chế/xử lý chất thải rắn (Phụ lục 55), Mẫu giấy đăng ký hoạt động của bên thứ ba được nhà sản xuất ủy quyền (Phụ lục 56), Giấy chứng nhận hoạt động cho bên thứ ba được nhà sản xuất ủy quyền tổ chức tái chế (Phụ lục 57), Danh mục sản phẩm, bao bì kèm theo mức đóng góp và thời điểm thực hiện trách nhiệm hỗ trợ xử lý chất thải (Phụ lục 58)(Dưới đây gọi tắt là dự thảo Nghị định EPR).

Sau khi cứu dự thảo Nghị định EPR chúng tôi có một số nhận xét sau đây :

(1). Để hội nhập quốc tế có thể sửa tên chương VII “Trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì thải bỏ của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu” thành “Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất” (Tên tiếng Anh là Extended Producer Responsibility, viết tắt là EPR). Ở đây có thể quy định chung “tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu” thành “nhà sản xuất”. Tuy nhiên, khi quy định thì có những quy định khác nhau giữa nhà sản xuất và nhà nhập khẩu.

(2). Về góp ý mục 1 (Trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu):

- Điều 90 (Đối tượng và lộ trình thực hiện trách nhiệm tái chế): Đối tượng áp dụng đối với Nghị định này là các sản phẩm thải bỏ (Ắc quy và pin, thiết bị điện và điện tử, dầu nhớt các loại, săm, lốp, phương tiện giao thông) và các loại bao bì giấy, kim loại, thủy tinh, nhựa phế thải có giá trị tái chế (Phụ lục 52). Tuy nhiên, do khái niệm bao bì rất rộng, đa dạng về kích thước, chủng loại và thành phần vật chất, nên cần phải phân biệt rõ đối tượng bao bì nào sẽ thuộc đối tượng quản lý của Nghị định này, tránh trùng lắp, chồng chéo giữa các quy định về quản lý chất thải và phế liệu. Về giải pháp tái chế nêu tại cột 6, Phụ lục 22 cũng cần phải bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp với thực tế (Ví dụ : Đối với các thiết bị điện và điện tử thì biện pháp sửa chữa, phục hồi, thay thế linh kiện, phụ tùng để tái sử dụng là một trong các biện pháp phổ biến hiện nay tại Việt Nam và trên thế giới, thậm chí tại các nước phát triển như Nhật Bản. Công ty Anchor Network Japan có 4 nhà máy sửa chữa, phục hồi, thay thế linh kện để tái sử dụng các thiết bị điện tử (máy tính, mobilephone …)). Ngoài ra, rất nhiều biện pháp thu hồi kim loại quý từ các bản mạch điện tử bằng phương pháp vật lý (nghiền và tuyển bằng nước), nghiền và hòa tan, thu hồi bằng hóa chất, nhiệt luyện hoặc đồng nhiệt luyện trong lò luyện thép đang được sử dụng tại Việt Nam và trên thế giới. Đối với bao bì cao su, nhựa cũng cần làm rõ phương pháp nhiệt phân, ngưng tự, chưng cất để thu hồi những loại nhiên liệu, hóa chất và các loại khí cháy.

- Điều 91 (Tỷ lệ tái chế, quy cách tái chế): Việc tính toán, quy định tỷ lệ tái chế bắt buộc (R), tỷ lệ tái chế thực tế (Ra), hệ số thải bỏ sản phẩm bao bì (D), hệ số thu gom sản phẩm, bao bì phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, khác nhau đối với từng loại thiết bị, từng loại bao bì, từng loại vật liệu làm ra bao bì, phụ thuộc vào thị trường tái chế, công nghệ tái chế vì vậy không dễ dàng gì để áp dụng thực tế. Ví dụ khi tính được tỷ lệ tái chế bắt buộc (R) đối với bao bì nhựa thì phải xem bao bì làm từ loại nhựa gì PP, PE, PET, PVC, PS…Thực tế có loại nhựa được tái chế nhiều (Ví dụ : PE, PET), nhưng có loại nhựa hầu như không được tái chế (Ví dụ: nhựa PS làm hộp xốp).

- Điều 92 (Đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam): Do việc tính toán xác định tỷ lệ tái chế bắt buộc (R) rất khó khăn, nên việc tính toán số tiền đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam của từng loại sản phẩm, bao bì (F) cũng sẽ rất khó khăn. Hơn nữa, việc xác định định mức chi phí tái chế sản phẩm, bao bì (Fs) phụ thuộc rất nhiều vào công nghệ tái chế đối với từng loại sản phẩm, bao bì và phụ thuộc vào giá cả thị thị trường nguyên vật liệu, điện, nước tiêu thụ phục vụ cho quá trình tái chế. Vì vậy, quy định công thức tính sẽ gây khó khăn, tranh cãi trong quá trình thực hiện. Hơn nữa, trong dự thảo quy định cũng không làm rõ được trong trường hợp nào nhà sản xuất, nhập khẩu phải đóng góp tài chính cho quỹ bảo vệ môi trường. Trong dự thảo Nghị định chưa làm rõ khi nhà sản xuất, nhập khẩu chọn những phương án trực tiếp tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì thải bỏ hay thuê đơn vị chức năng xử lý, tái chế có phải đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam hay không. Cũng cần phải làm rõ hình thức nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam là nộp phí hay đóng góp tài chính vì hình thức đóng góp/hỗ trợ thường không phải là bắt buộc. Bên cạnh đó, nếu trong điều này quy định phương pháp tính thì tại sao phải đính kèm Phụ lục 58 về Danh mục sản phẩm, bao bì kèm theo mức đóng góp và thời điểm thực hiện trách nhiệm hỗ trợ xử lý chất thải.

- Điều 93 (Đăng ký kế hoạch và báo cáo kết quả tái chế và kê khai, đóng góp tài chính cho Quỹ Bảo vệ môi trường để hỗ trợ tái chế): Do điều 92 đã quy định về tỷ lệ tái chế bắt buộc đối với nhà sản xuất, nhập khẩu thì tại sao lại phải yêu cầu nhà sản xuất, nhập khẩu phải đăng ký kế hoạch tái chế ?. Trong dự thảo Nghị định có đề cập đến bên thứ 3 thực hiện tái chế do nhà sản xuất, nhập khẩu ủy quyền, nhưng chúng tôi chưa thấy rõ được sự cần thiết phải ủy quyền cho bên thứ 3. Điều này cũng yêu cầu nhà sản xuất, nhập khẩu phải thuê đơn vị kiểm toán, nhưng chưa làm rõ kiểm toán cái gì ? kiểm toán môi trường hay kiểm toán tài chính ?. Điều này cũng quy định về việc đóng góp tài chính để hỗ trợ tái chế. Nếu chỉ quy định về đóng góp, hỗ trợ thì không thể bắt buộc nhà sản xuất, nhập khẩu thực hiện, mà tùy tâm họ có thể đóng góp, có thể không, có thể đóng góp nhiều, có thể đóng góp ít.

- Điều 94 (Xử lý trường hợp không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm tái chế): Không thể cưỡng chế nhà sản xuất, nhập khẩu không đóng góp tài chính để hỗ trợ tái chế được vì như trình bày ở trên đây không phải là hình thức bắt buộc. Hơn nữa, cũng không thể truy thu, phạt do nộp chậm được. Dự thảo Nghị định quy định hình thức cưỡng chế là đề nghị cơ quan thuế hoặc hải quan xử lý hoặc thanh tra, kiểm tra xử phạt vi phạm hành chính. Hình thức này cũng không thể áp dụng nếu nhà sản xuất, nhập khẩu không đóng góp tài chính để hỗ trợ tái chế.

- Điều 95 (Hình thức thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì): Điều này quy định hình thức nhà sản xuất, nhập khẩu có thể tự chọn bao gồm : Tự mình thực hiện tái chế; Thuê đơn vị tái chế để thực hiện tái chế; Ủy quyền toàn bộ cho bên thứ ba để tổ chức tái chế; Đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam. Tuy nhiên, chúng tôi không rõ vai trò của bên thứ ba do nhà sản xuất, nhập khẩu ủy quyền. Điều này cũng quy định về việc sử dụng số tiền các nhà sản xuất, nhập khẩu đóng góp hỗ trợ tái chế thông qua đấu thầu. Điều này cũng quy định biện pháp cưỡng chế đối với nhà nhập khẩu thông qua việc thông báo với cơ quan hải quan không cho thông quan lô hàng sản phẩm, bao bì nhập khẩu. Tuy nhiên, chưa quy định hình thức cưỡng chế đối với nhà sản xuất trong nước.

- Điều 96 (Điều kiện thực hiện trách nhiệm tái chế): Điều này quy định yêu cầu nhà sản xuất, nhập khẩu hay đơn vị tái chế do nhà sản xuất, nhập khẩu thuê tái chế thiết bị, bao bì thải bỏ phải có giấy phép môi trường. Tuy nhiên, chúng tôi không rõ những quy định đối với bên thứ ba được nhà sản xuất, nhập khẩu ủy quyền tổ chức tái chế (có tư cách pháp nhân, tổ chức hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, không trực tiếp tái chế và không có quan hệ sở hữu với bất kỳ đơn vị tái chế nào liên quan đến phạm vi được ủy quyền; Được ít nhất 03 nhà sản xuất, nhập khẩu ủy quyền tổ chức tái chế; trường hợp tổ chức tái chế bao bì thì phải được ít nhất 10 nhà sản xuất, nhập khẩu ủy quyền). Hơn nữa, bên thứ ba sau khi nhận ủy quyền từ nhà sản xuất, nhập khẩu lại phải lựa chọn đơn vị tái chế có giấy phép môi trường để kết hợp đồng theo quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc bằng hình thức khác do nhà sản xuất, nhập khẩu ủy quyền chấp thuận. Chúng tôi thấy không rõ lợi ích của bên thứ ba khi nhận ủy quyền của nhà sản xuất, nhập khẩu là gì ?.

(3). Về góp ý mục 2 (Trách nhiệm xử lý chất thải của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu):

- Điều 97 (Đối tượng, thời điểm phải đóng góp tài chính để hỗ trợ các hoạt động xử lý chất thải): Như trên đã trình bày, nếu yêu cầu nhà sản xuất, nhập khẩu đóng góp tài chính để hỗ trợ các hoạt động xử lý chất thải, thì hình thức này không phải là bắt buộc. Mức đóng góp tài chính đối với từng sản phẩm, bao bì được quy định tại cột 6 Phụ lục 58 không thống nhất với danh mục tại Phụ lục 52. Về lộ trình thực hiện quy định tại cột 7, phụ lục 52 cũng cần xem xét lại cho phù hợp. Vì tính chất cấp bách nên có những loại sản phẩm thải bỏ phải quản lý sớm hơn từ năm 2022 (Ví dụ: Thiết bị điện và điện tử, bao bì nhựa).

- Điều 98 (Trình tự thực hiện đóng góp kinh phí hỗ trợ xử lý chất thải): Những quy định về đóng góp kinh phí hỗ trợ xử lý chất thải là không phù hợp, vì như trình bày ở trên hình thức đóng góp, hỗ trợ là tự nguyện, không thể bắt buộc, cưỡng chế được.

- Điều 99 (Thực hiện hỗ trợ hoạt động xử lý chất thải): Do yêu cầu đơn vị tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì phải có giấy phép môi trường, vì vậy, không thể hỗ trợ cho cộng đồng dân cư xử lý chất thải được. Cộng đồng dân cư làm sao có đủ điều kiện để nhận được giấy phép môi trường.

# (4). Về góp ý mục 3 (Cung cấp, quản lý thông tin và quản lý, giám sát thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý của tổ chức, cá nhân nhập khẩu):

- Điều 100 (Cung cấp thông tin về sản phẩm, bao bì): Yêu cầu nhà sản xuất, nhập khẩu phải cung cấp thông tin về sản phẩm, bao bì do mình sản xuất, nhập khẩu về thành phần nguyên vật liệu; hướng dẫn phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý sau tiêu dùng; cảnh báo rủi ro trong quá trình tái chế, tái sử dụng, xử lý sản phẩm, bao bì là không khả thi (Ví dụ : Khi nhập máy tính, smartphone về mà phải ghi những thông tin này trên sản phẩm hay hướng dẫn kèm theo là không phù hợp, không khả thi).

- Điều 101 (Cổng thông tin điện tử EPR quốc gia): Quy định công bố thông tin liên quan đến EPR trên cổng thông tin điện tử quốc gia có thể phù hợp (Tương tự như thông tin về xử lý chất thải nguy hại và nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất).

- Điều 102 (Hội đồng Quốc gia thực hiện trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu): Quy định về tổ chức, thành phần, quy chế của Hội đồng EPR quốc gia vừa mâu thuẫn, vừa không phù hợp. Không thể có một hội đồng là đại diện cho nhà sản xuất, nhập khẩu lại có sự tham gia của đại diện các Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công thương đại diện Bộ do lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường là chủ tịch.

- Điều 103 (Văn phòng thực hiện trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu Việt Nam): Quy định về tổ chức, thành phần, quy chế của Văn phòng EPR quốc gia vừa mâu thuẫn, vừa không phù hợp. Không thể có văn phòng là tổ chức của nhà sản xuất, nhập khẩu mà lại đặt tại Bộ Tài nguyên và Môi trường, do Bộ TNMT quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức.

4. KẾT LUẬN-KIẾN NGHỊ

Luật BVMT năm 2020 tạo ra rất nhiều điểm đột phá trong phương thức quản lý môi trường tại Việt Nam. Luật có giao cho Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành tại 64 điều, trong đó có Điều 54 về thực hiện trách nhiệm tái chế của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu.

Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các nhà khoa học đang xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT. Đây là một bước cực kỳ quan trọng nhằm cụ thể hóa một số quy định của Luật nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những khó khăn, bất cập trong quá trình triển khai. Bài báo này chỉ bàn luận tới những quy định về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR).

Rất mong các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao nhiệm vụ soạn thảo dự thảo Nghị định Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT tham khảo.

# TÀI LIỆU THAM kHẢO

[01]. Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

[02]. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

[03]. Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg.

[04]. Thông tư 34/2017/TT-BTNMT